



## CÔNG TY CP NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng ngày 06/04/2012.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS qui định tại điều 37 của bản Điều lệ Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động và báo cáo tài chính hợp nhất 2012 của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.

## Ban Kiểm Soát Báo Cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông như sau:

### I. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012:

1. Kiểm tra, giám sát hàng quý để đánh giá tình hình kết quả hoạt động và xây dựng chương trình làm việc của những quý kế tiếp.
2. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, tuân thủ Pháp luật và các Quy chế nội bộ của Công ty.
3. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.
4. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
5. Ban kiểm soát được HĐQT và BGD lắng nghe và luôn tạo mọi điều kiện để thực hiện chức năng nhiệm vụ, BKS còn được mời tham dự tất cả cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT.
6. Đánh giá chung: BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo điều lệ công ty.

### II. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2012 do Ban điều hành Cty lập, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C, Ban kiểm soát đã thẩm định và đánh giá như sau :

1. Việc Ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo nghị định 158/2003/NĐ- CP ngày 10/12/2003.
2. Các báo cáo tài chính năm 2012 của cty Tân Đại Hưng lập đúng biểu mẫu ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài Chính.
3. Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Cty Tân Đại Hưng tại ngày 31/12/2012; phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành của pháp luật qui định.
4. Nhất trí với các số liệu tài chính đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm toán A&C được thể hiện tóm tắt như sau:

*DVT : Đồng*

| TÀI SẢN     |  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------|--|------------------------|------------------------|
| <b>A -</b>  | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>522,892,650,141</b> | <b>768,461,164,488</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>111,581,303,792</b> | <b>374,470,274,342</b> |
| 1.          | Tiền                                       | 18,381,303,792         | 10,670,274,342         |
| 2.          | Các khoản tương đương tiền                 | 93,200,000,000         | 363,800,000,000        |
| <b>II.</b>  | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>28,167,500,000</b>  | <b>712,000,000</b>     |
| 1.          | Đầu tư ngắn hạn                            | 28,167,500,000         | 712,000,000            |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản phải thu</b>                  | <b>235,600,696,840</b> | <b>201,907,035,792</b> |
| 1.          | Phải thu của khách hàng                    | 221,922,728,402        | 179,818,487,780        |
| 2.          | Trả trước cho người bán                    | 12,121,450,363         | 1,511,933,905          |
| 3.          | Các khoản phải thu khác                    | 4,510,546,845          | 21,346,569,594         |
| 4.          | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi        | (2,954,028,770)        | (769,955,487)          |
| <b>IV.</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                        | <b>126,530,875,631</b> | <b>148,528,200,507</b> |
| 1.          | Hàng tồn kho                               | 126,530,875,631        | 148,528,200,507        |
| <b>V.</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>               | <b>21,012,273,878</b>  | <b>42,843,653,847</b>  |
| 1.          | Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 2,950,000              | 3,600,000              |
| 2.          | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ        | 18,589,136,465         | 40,974,188,583         |
| 3.          | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 484,588,413            | 1,194,248,123          |
| 4.          | Tài sản ngắn hạn khác                      | 1,935,599,000          | 671,617,141            |

| <b>B -</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>90,773,773,626</b>  | <b>222,897,805,470</b> |
|-------------|--|------------------------|------------------------|
| <b>I.</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | -                      | -                      |
| <b>II.</b>  | <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>46,525,819,631</b>  | <b>35,009,252,217</b>  |
| 1.          | Tài sản cố định hữu hình                     | 46,525,819,631         | 35,009,252,217         |
|             | Nguyên giá                                   | 90,870,123,059         | 72,824,891,369         |
|             | Giá trị hao mòn lũy kế                       | (44,344,303,428)       | (37,815,639,152)       |
| 2.          | Tài sản cố định vô hình                      | -                      | -                      |
|             | Nguyên giá                                   | 164,800,000            | 164,800,000            |
|             | Giá trị hao mòn lũy kế                       | (164,800,000)          | (164,800,000)          |
| <b>III.</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>20,654,438,844</b>  | <b>147,147,409,185</b> |
|             | Nguyên giá                                   | 20,654,438,844         | 150,000,000,000        |
|             | Giá trị hao mòn lũy kế                       | -                      | (2,852,590,815)        |
| <b>IV.</b>  | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>23,167,692,300</b>  | <b>40,378,564,878</b>  |
| 1.          | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | -                      | 17,990,151,995         |
| 2.          | Đầu tư dài hạn khác                          | 32,844,447,615         | 34,594,447,615         |
| 3.          | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | (9,676,755,315)        | (12,206,034,732)       |
| <b>V.</b>   | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>425,822,851</b>     | <b>362,579,190</b>     |
| 1.          | Chi phí trả trước dài hạn                    | 271,737,788            | 208,494,127            |
| 2.          | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 154,085,063            | 154,085,063            |
|             | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>613,666,423,767</b> | <b>991,358,969,958</b> |

| <b>NGUỒN VỐN</b> |   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|------------------|---|------------------------|------------------------|
| <b>A -</b>       | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                      | <b>290,627,247,380</b> | <b>645,246,956,403</b> |
| <b>I.</b>        | <b>Nợ ngắn hạn</b>                      | <b>171,633,375,284</b> | <b>497,237,126,021</b> |
| 1.               | Vay và nợ ngắn hạn                      | 116,650,909,685        | 456,427,380,920        |
| 2.               | Phải trả cho người bán                  | 25,725,833,162         | 13,763,541,730         |
| 3.               | Người mua trả tiền trước                | 5,310,192,475          | 6,603,294,580          |
| 4.               | Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước | 4,770,203,081          | 785,037,022            |
| 5.               | Phải trả người lao động                 | 8,640,775,789          | 5,781,066,194          |
| 6.               | Chi phí phải trả                        | 956,621,451            | 8,609,746,985          |
| 7.               | Các khoản phải trả, phải nộp khác       | 9,578,839,641          | 5,267,058,590          |
| <b>II.</b>       | <b>Nợ dài hạn</b>                       | <b>118,993,872,096</b> | <b>148,009,830,382</b> |
| 1.               | Vay và nợ dài hạn                       | 118,993,872,096        | 145,911,824,508        |
| 2.               | Dự phòng trợ cấp mất việc làm           | -                      | 2,098,005,874          |
| <b>B -</b>       | <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>             | <b>323,039,176,387</b> | <b>346,112,013,555</b> |
| <b>I.</b>        | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                   | <b>323,039,176,387</b> | <b>346,112,013,555</b> |
| 1.               | Vốn đầu tư của chủ sở hữu               | 244,305,960,000        | 244,305,960,000        |
| 2.               | Thặng dư vốn cổ phần                    | 86,242,518,451         | 86,242,518,451         |
| 3.               | Cổ phiếu quỹ                            | (40,632,476,860)       | (40,632,476,860)       |
| 4.               | Chênh lệch tỷ giá hối đoái              | -                      | 8,507,346,791          |
| 5.               | Lợi nhuận chưa phân phối                | 33,123,174,796         | 47,688,665,173         |
| <b>II.</b>       | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>       | -                      | -                      |
|                  | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>              | <b>613,666,423,767</b> | <b>991,358,969,958</b> |

### Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 2012

*DVT : Đồng*

| <b>CHỈ TIÊU</b> |  | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|-----------------|--|------------------------|------------------------|
| 1.              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 617,738,976,729        | 728,036,536,934        |
| 2.              | Các khoản giảm trừ                                     | 10,361,677,317         | -                      |
| 3.              | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>607,377,299,412</b> | <b>728,036,536,934</b> |
| 4.              | Giá vốn hàng bán                                       | 575,398,977,822        | 660,447,326,290        |
| 5.              | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 31,978,321,590         | 67,589,210,644         |
| 6.              | Doanh thu hoạt động tài chính                          | 43,408,314,269         | 32,512,364,184         |
| 7.              | Chi phí tài chính                                      | 21,238,426,299         | 17,489,750,009         |
|                 | Trong đó: chi phí lãi vay                              | 21,843,433,371         | 14,133,431,075         |
| 8.              | Chi phí bán hàng                                       | 13,673,303,872         | 17,698,530,339         |
| 9.              | Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 17,346,550,647         | 18,532,706,601         |
| 10.             | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                | 23,128,355,041         | 46,380,587,879         |
| 11.             | Thu nhập khác  | 148,724,285,999        | 2,264,678,939          |
| 12.             | Chi phí khác   | 138,691,014,789        | 2,279,138,560          |
| 13.             | Lợi nhuận khác   | 10,033,271,210         | (14,459,621)           |
| 14.             | Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh    | -                      | (577,299,450)          |
| 15.             | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>33,161,626,251</b>  | <b>45,788,828,808</b>  |

|       |   |                |                |
|-------|---|----------------|----------------|
| 16.   | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | 3,203,864,307  | 7,972,116,200  |
| 17.   | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | -              | 264,286,097    |
| 18.   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      | 29,957,761,944 | 37,552,426,511 |
| 18.1. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số       | -              | -              |
| 18.2. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 29,957,761,944 | 37,552,426,511 |
| 19.   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                      | 1,409          | 1,766          |

### III. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty.

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông đề ra. HĐQT đã tiến hành điều đặn các cuộc họp định kỳ theo qui định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Kết quả mà tập thể CB CNV Tân Đại Hưng đã hoàn thành năm 2012, cụ thể như sau:

| Tiêu chí                                    | Chỉ tiêu 2012 | Thực hiện    | So sánh                     |
|---|---------------|--------------|-----------------------------|
| <b>Tổng sản lượng bao bì (tấn):</b>         | <b>8,000</b>  | <b>8,900</b> | <b>Đạt 111,25% chỉ tiêu</b> |
| Trong đó xuất khẩu:                         | ≥ 65%         | 67,5%        | Đạt 103,85% chỉ tiêu        |
| Tổng doanh thu (tỷ đồng):                   |               | 617,7        |                             |
| <b>Tổng doanh thu bao bì (tỷ đồng):</b>     | <b>450</b>    | <b>477,4</b> | <b>Đạt 106,00% chỉ tiêu</b> |
| <b>Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng):</b> | <b>38</b>     | <b>29,9</b>  | <b>Đạt 78,70% chỉ tiêu</b>  |

- Trong năm 2012, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường trong hoạt động kinh doanh của Công ty, tất cả hoạt động đều tuân thủ nghiêm ngặt các qui định của Pháp luật, điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông.
- Công tác hạch toán kế toán Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với UBCK nhà Nước và SGDK Tp. HCM.
- Kết quả kiểm toán Báo Cáo Tài Chính năm 2012 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như Kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm 2012. Ngoài ra không sai sót trọng yếu nào xảy ra trong năm 2012 về công tác hạch toán kế toán.
- Ban kiểm soát đánh giá những cố gắng của Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường. Trong thời gian hoạt động năm 2012, Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành và các Chức danh quản lý trong công ty.

### IV. Những nhận xét và kiến nghị với Công ty:

- Trong năm 2012, việc Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng phải hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà xưởng đã ký, chuyển sang thuê mượn nhà xưởng như trước. Theo nhận xét của Ban kiểm soát là trường hợp khách quan ngoài ý muốn, vì Công ty TNHH Đại Hưng chưa thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.
- Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ. Khoản giảm giá hàng bán nhằm xử lý dứt điểm những tồn đọng về chất lượng sản phẩm từ những năm trước. Các nghiệp vụ này phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Ban điều hành cần phát huy chức trách nhiệm vụ và thường xuyên báo cáo nhanh tình hình hoạt động của Cty để HĐQT và Tổng Giám Đốc có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hiệu quả chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao vị thế cạnh tranh.
- Tăng cường hơn nữa việc kiểm soát, giảm tỷ lệ hao hụt trong sản xuất bao bì. Đặc biệt chú trọng kiểm soát công nợ phải thu bán hàng.
- Năm 2013 cho thấy tình hình kinh tế còn tiếp tục khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó công tác đầu tư cần phải thận trọng và cân nhắc kỹ lưỡng.

### V. Phương hướng hoạt động của BKS năm 2013.

- Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong chấp hành điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của hội đồng quản trị và các qui chế quản trị của công ty.
- Trên cơ sở kiểm tra hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát sẽ kiến nghị với HĐQT và TGD các giải pháp điều chỉnh bổ nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, đúng qui tắc, tránh được các rủi ro trong quá trình hoạt động.

**BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG.**  
**TRƯỞNG BAN**  
**LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA**